PHỤ LỤC 01

BẢNG SO SÁNH ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI BỔ SUNG LẦN THỨ 14 VÀ ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI BỔ SUNG LẦN THỨ 15 CỦA BVSC

(Đính kèm Tờ trình số: 09/2026/TTr-HĐQT ngày 27/05/2026 V/v: Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ lần thứ 15, Quy chế nội bộ về Quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi lần thứ 1 của Công ty Chứng khoán Bảo Việt)

STT	ĐIỀU LỆ LẦN THỨ 14	ĐIỀU LỆ LẦN THỨ 15	LÝ DO SỬA ĐỔI
1	**Điều 1. Giải thích thuật ngữ** 1.1.12 "**Cổ tức**" có nghĩa là khoản lợi nhuận ~~ròng~~ được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác	**Điều 1. Giải thích thuật ngữ** 1.1.12 "**Cổ tức**" có nghĩa là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác	Sửa đổi để thống nhất thuật ngữ theo Điểm a Khoản 1 Điều 1 Luật Doanh nghiệp sửa đổi 2025 ("***LDN sửa đổi 2025***").
2	**Điều 2. Hình thức, Tên gọi, Trụ sở Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Phòng Giao dịch và Thời hạn hoạt động của Công ty** 2.4.1 Trụ sở đăng ký của Công ty là: Địa chỉ: Số 8 Lê Thái Tổ, ~~Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm~~, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Điện thoại: (+84-24) 39288080 Fax: (+84-24) 39289888 Email: info@bvsc.com.vn Website: http://www.bvsc.com.vn	**Điều 2. Hình thức, Tên gọi, Trụ sở Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Phòng Giao dịch và Thời hạn hoạt động của Công ty** 2.4.1 Trụ sở đăng ký của Công ty là: Địa chỉ: Số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Điện thoại: (+84-24) 39288080 Fax: (+84-24) 39289888 Email: info@bvsc.com.vn Website: http://www.bvsc.com.vn	Sửa đổi để thống nhất địa chỉ Công ty sau khi sắp xếp lại đơn vị hành chính.
3	**Điều 22. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông** 22.2.20 Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP ngày	**Điều 22. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông** 22.2.20 Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và theo quy định của Pháp luật;	Bổ sung do Nghị định 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

	31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;		
4	**Điều 23. Các đại diện được ủy quyền** 23.1.1.2 Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông; b. Số lượng người đại diện theo ủy quyền và số lượng cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền; c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số ~~Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân~~, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền; d. Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền; e. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền	**Điều 23. Các đại diện được ủy quyền** 23.1.1.2 Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông; b. Số lượng người đại diện theo ủy quyền và số lượng cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền; c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số định danh cá nhân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền; d. Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền; e. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền	Các nội dung này được sửa toàn bộ thành ***số định danh cá nhân*** theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị định 245/2025/NĐ-CP.
5	**Điều 24. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông** 24.1.2 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ	**Điều 24. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông** 24.1.2 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc	Quy định tại Điều lệ lần thứ 14 là quy định cũ, sửa đổi lại theo quy định mới tại LDN sửa đổi 2025

	ngày kết thúc năm tài chính. ~~Theo đề nghị của Hội đồng Quản trị, Công ty có thể đề nghị UBCKNN gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên~~ nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	năm tài chính. Hội đồng Quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	
6	**Điều 24. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông** 24.2.3 Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 19.2, Điều 19 của Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền	**Điều 24. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông** 24.2.3 Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 19.2, Điều 19 của Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung thêm theo Khoản 18 Điều 1 LDN sửa đổi 2025, nhằm quy định rõ trách nhiệm của cổ đông khi cung cấp tài liệu, chứng cứ khi yêu cầu tổ chức họp ĐHĐCĐ.
7	**Điều 33. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị** *Chưa quy định*	**Điều 33. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị**	Bổ sung quy định này vì Khoản 81 Điều 1 Nghị định số: 245/2025/NĐ-CP sửa đổi

		33.2.25 Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của công ty	Khoản 8 Điều 278 của Nghị định 155/2020/NĐ-CP có bổ sung thêm quy định này vào thẩm quyền của HĐQT: *"Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của công ty."*
8	**Điều 34. Thành phần, nhiệm kỳ và số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị** 34.1. Số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là ~~năm (05) người~~ và nhiều nhất là chín (09) người bao gồm một (01) Chủ tịch, một (01) Phó Chủ tịch (*nếu có*) và các Thành viên, số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể của nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Cơ cấu Hội đồng Quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các Thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và chứng khoán; cần đảm bảo sự cân đối giữa các Thành viên kiêm điều hành và các Thành viên không điều hành, đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số Thành viên Hội đồng quản trị là Thành viên không điều hành	**Điều 34. Thành phần, nhiệm kỳ và số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị** 34.1. Số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là chín (09) người bao gồm một (01) Chủ tịch, một (01) Phó Chủ tịch (*nếu có*) và các Thành viên, số lượng Thành viên Hội đồng quản trị cụ thể của nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Cơ cấu Hội đồng Quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các Thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và chứng khoán; cần đảm bảo sự cân đối giữa các Thành viên kiêm điều hành và các Thành viên không điều hành.	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 1, Điều 154 của Luật doanh nghiệp 2020 và Khoản 1, Điều 276 của Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật chứng khoán quy định "*Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của công ty đại chúng ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 11 người*" Do đó, đề xuất sửa lại lượng tối thiểu Thành viên HĐQT là 03 người để thống nhất với LDN 2020 & Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Ngoài ra, phòng ngừa trong trường hợp thực tế thời gian qua số lượng thành viên HĐQT BVSC thường 05 người, khi có 02 thành viên HĐQT đồng thời xin nghỉ, Công ty sẽ không

			phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường vì số lượng thành viên HĐQT ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật.
9	**Điều 34. Thành phần, nhiệm kỳ và số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị** Không quy định chi tiết số lượng thành viên HĐQT không điều hành, chỉ quy định nguyên tắc "*Cơ cấu Hội đồng Quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các Thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và chứng khoán; cần đảm bảo sự cân đối giữa các Thành viên kiêm điều hành và các Thành viên không điều hành, đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số Thành viên Hội đồng quản trị là Thành viên không điều hành.*" 34.2 Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau: 34.2.1 Có tối thiểu một (01) Thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số Thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) Thành viên; 34.2.2 Có tối thiểu hai (02) Thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số Thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) Thành viên; 34.2.3 Có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số Thành viên Hội đồng quản trị là chín (09) Thành viên	**Điều 34. Thành phần, nhiệm kỳ và số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị** 34.2. Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty phải đảm bảo quy định sau: 34.2.1. Có tối thiểu một (01) Thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số Thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) Thành viên; 34.2.2. Có tối thiểu hai (02) Thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số Thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) Thành viên; 34.2.3. Có tối thiểu ba (03) Thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số Thành viên Hội đồng quản trị là chín (09) Thành viên. 34.3. Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo quy định sau: 34.3.1. Có tối thiểu một (01) Thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) Thành viên; 34.3.2. Có tối thiểu hai (02) Thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) Thành viên; 34.3.3. Có tối thiểu ba (03) Thành viên độc lập trong	Sửa đổi nhằm quy định rõ số lượng cụ thể Thành viên HĐQT không điều hành để đảm bảo thống nhất Khoản 79 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP. *2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của công ty đại chúng phải đảm bảo quy định sau:* *a) Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;* *b) Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;* *c) Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.*

		trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị là chín (09) Thành viên.	
10	**Điều 34. Thành phần, nhiệm kỳ và số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị** 34.4. Thông tin về những người được đề cử vào Hội đồng Quản trị phải được công bố trước khi tổ chức bầu dồn phiếu tại Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên thì thông tin chi tiết liên quan đến các ứng viên này được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố tối thiểu bao gồm: Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; Trình độ chuyên môn; Quá trình công tác; Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên	**Điều 34. Thành phần, nhiệm kỳ và số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị** 34.5. Thông tin về những người được đề cử vào Hội đồng Quản trị phải được công bố trước khi tổ chức bầu dồn phiếu tại Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên thì thông tin chi tiết liên quan đến các ứng viên này được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố tối thiểu bao gồm: Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; Trình độ chuyên môn; Quá trình công tác; Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên tại công ty khác); lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.	Sửa đổi để tuân thủ Khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP quy định về Tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên HĐQT. *"3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác."*

	Hội đồng quản trị.		
11	**Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Hội đồng Quản trị** 35.4 Không phải là Giám đốc/Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Thành viên của Công ty Chứng khoán khác; không được đồng thời làm Thành viên Hội đồng Quản trị của trên năm (05) Công ty khác	**Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Hội đồng Quản trị** 35.4 Không phải là Giám đốc/Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Thành viên của Công ty Chứng khoán khác; không được đồng thời làm Thành viên Hội đồng Quản trị/Hội đồng Thành viên của trên năm (05) Công ty khác	Sửa đổi để tuân thủ Khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP quy định về Tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên HĐQT. *"3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác."*
12	**Điều 36. Cuộc họp Hội đồng Quản trị và Biên bản cuộc họp** 36.19 Hàng năm, Hội đồng Quản trị yêu cầu Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị có báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị; báo cáo đánh giá này tổng hợp vào Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị để báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	**Điều 36. Cuộc họp Hội đồng Quản trị và Biên bản cuộc họp** 36.19 Hàng năm, Hội đồng Quản trị yêu cầu từng Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị có báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị; báo cáo đánh giá này tổng hợp vào Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị để báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	Sửa đổi quy định về việc hàng năm, HĐQT yêu cầu từng Thành viên độc lập HĐQT có báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT để tuân thủ Khoản 80, Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP
13	**Điều 59. Trích lập các quỹ** 59.1. Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để lập các quỹ sau đây: 59.1.1. Quỹ đầu tư phát triển;	**Điều 59. Trích lập các quỹ** 59.1. Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để lập các quỹ sau đây: 59.1.1. Quỹ đầu tư phát triển với mức trích không quá 50% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 59.1.2. Quỹ khen thưởng, phúc lợi với mức trích theo đề	Bổ sung thêm quy định về mức trích lập Quỹ đầu tư phát triển không quá 50% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở tham khảo Khoản 2, Điều 25 Phân phối lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp nhà nước tại Luật quản

	59.1.2. Quỹ khen thưởng, phúc lợi; 59.1.3. Các quỹ khác theo quy định của Pháp luật. 59.2. Việc trích lập, quản lý và sử dụng các quỹ này thực hiện theo Điều lệ của công ty, theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng Quản trị và quy định của Pháp luật liên quan.	xuất của Hội đồng Quản trị; 59.1.3. Các quỹ khác theo quy định của Pháp luật và đề xuất của Hội đồng Quản trị. 59.2. Việc trích lập, quản lý và sử dụng các quỹ này thực hiện theo Điều lệ của công ty, theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng Quản trị và quy định của Pháp luật liên quan.	lý và đầu tư vốn tại doanh nghiệp 2025 "2. *Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi xử lý các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này được phân phối theo nguyên tắc: a) Trích không quá 50% vào Quỹ Đầu tư phát triển để sử dụng vào mục đích đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bổ sung vốn điều lệ.*" Ngoài ra, trong bối cảnh tổng tài sản của BVSC còn hạn chế và việc tăng vốn diễn ra chậm, dẫn đến suy giảm lợi thế cạnh tranh trong thời gian qua, việc trích lập Quỹ đầu tư phát triển ở mức từ 30 - 50% LNST thu nhập doanh nghiệp hàng năm là cần thiết. Điều này giúp BVSC từng bước tích lũy nguồn vốn ổn định, qua đó đảm bảo năng lực tài chính phục vụ nhu cầu phát triển, cũng như đáp ứng các mục tiêu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hàng năm.